

Bản án số: 709/2026/DS-PT

Ngày: 13/4/2026

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyền

Các Thẩm phán:

Ông Phan Trí Dũng

Ông Nguyễn Trung Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Nữ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 13 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 293/2026/TLPT-DS ngày 22 tháng 01 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 143/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1021/2026/QĐXXPT - DS ngày 27 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 3743/2026/QĐ-PT ngày 19 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Duy C, sinh năm 1992; địa chỉ: tổ E, thôn L, xã K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức C1, sinh năm 1985; địa chỉ: số H đường T, tổ B, khu phố N, phường B, tỉnh Tây Ninh, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 13/9/2025); có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị Diễm H, sinh năm 1992; địa chỉ: số B, đường N, tổ H, khu phố H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Võ Văn K, là Luật sư Công ty L2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); có mặt.

2. Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1988; địa chỉ: số B, đường N, tổ H, khu phố H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Thanh L: Ông Dương Minh N, sinh năm 1970; địa chỉ: số F, khu phố Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/3/2026); có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm H và ông Nguyễn Thanh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 17/6/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Duy C trình bày:

Bà C và vợ chồng ông L, bà H quen biết thông qua quan hệ làm ăn. Do vợ chồng ông L, bà H có nhu cầu mượn tiền nên ngày 20/9/2020, vợ chồng ông L, bà H có đến gặp bà C mượn số tiền 1.050.000.000 (một tỷ không trăm năm mươi triệu) đồng, mục đích để kinh doanh làm ăn, hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Vợ chồng ông L, bà H hẹn tới tháng 5/2021 sẽ trả cho bà C số tiền lãi và gốc. Khi nhận đủ tiền, vợ chồng ông L, bà H đã tự lập “Giấy nợ” và đồng ý ký tên xác nhận. Nhưng từ ngày mượn nợ cho đến nay, vợ chồng ông L, bà H chưa từng trả lãi suất cũng như số tiền nợ gốc cho bà C. Nhiều lần bà C gọi điện thoại yêu cầu vợ chồng ông L, bà H trả nợ nhưng ông bà cố tình né tránh.

Vì vậy, bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông L, bà H có trách nhiệm liên đới trả cho bà C số tiền gốc là 1.050.000.000 (một tỷ không trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi cho đến ngày xét xử theo quy định của pháp luật, tạm tính là: $1.050.000.000 \text{ đồng} \times 1,67\%/tháng \times 57 \text{ tháng} = 999.495.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền ông L, bà H phải trả cho bà C là 2.049.495.000 (hai tỷ không trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn) đồng.

Tại Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 03/9/2025, bà C trình bày:

Ngày 13/7/2021 (dương lịch), bà H có trả cho bà C số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng, còn tiền lãi không trả. Kể từ ngày 13/7/2021 đến nay, bà H và ông L không trả thêm cho bà C được khoản nợ gốc hay tiền lãi nào. Hiện nay, do bà H, ông L đã trả cho bà C được số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng nên bà C thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị bà H, ông L trả cho bà C tiền nợ gốc còn lại là 750.000.000 đồng. Về tiền lãi, bà C yêu cầu bà H, ông L trả từ ngày 14/7/2021 đến ngày 03/9/2025 với lãi suất $1,66\%/tháng \times 49 \text{ tháng} = 610.050.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng gốc và lãi là: $750.000.000 \text{ đồng} + 610.050.000 \text{ đồng} = 1.360.050.000 \text{ đồng}$.

Nguyên đơn giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: Đơn khởi kiện đề ngày 17/6/2025 của bà C (bản chính); Giấy nợ ngày 20/9/2020 (bản photocopy); Sao kê tài khoản từ ngày 01/7/2021 đến ngày 31/7/2025 đối với tài khoản số 074201013991912 của bà Phạm Thị Duy C tại Ngân hàng TMCP H2 (bản chính).

Tại Đơn trình bày và đơn phản tố ngày 13/8/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm H trình bày:

Bà H và bà C có quan hệ vay mượn tiền từ trước và sau ngày 20/9/2020. Bà C cho vay tiền với lãi suất 6%/tháng tính trên số tiền cho vay. Quan hệ vay mượn diễn ra liên tục (từ năm 2017 đến nay) với cách tính lãi nhập gốc thành nợ mới (nợ chồng nợ), dẫn đến việc bà H phải đóng lãi và trả vốn dần cho bà C. Sau đó, bà C ép buộc bà H phải ghi Giấy biên nhận nợ số tiền 1.050.000.000 đồng vào ngày 20/9/2020 để xem như là vốn mới mà bà C cho bà H vay; về phần mình, bà H xác định chấp nhận trả lãi theo yêu cầu của bà C.

Bà H phản tố nội dung yêu cầu bà C trả lại tiền như sau:

Căn cứ các tài liệu sao kê ngân hàng trước ngày 20/9/2020, xác định bà H đã trả cho bà C số tiền là 2.024.800.000 đồng. Cụ thể:

Tại Ngân hàng Mj MSB: 520.000.000 đồng.

Tại Ngân hàng VVikki (H3): 646.000.000 đồng.

Tại Ngân hàng T3mbank: 858.800.000 đồng.

Căn cứ các tài liệu sao kê ngân hàng sau ngày 20/9/2020, xác định bà H đã trả cho bà C số tiền là 350.000.000 đồng. Cụ thể:

Tại Ngân hàng T3: 150.000.000 đồng.

Tại Ngân hàng T3: 200.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà H đã chuyển cho bà C là: 2.024.800.000 đồng + 350.000.000 đồng = 2.374.800.000 đồng.

Nếu bà C không có tài liệu, chứng từ gì chứng minh bà H còn nợ bà C ngoài Giấy biên nhận ngày 20/9/2020 số tiền 1.050.000.000 đồng thì bà H yêu cầu Tòa án buộc bà C phải trả lại cho bà H số tiền: 2.374.800.000 đồng - 1.050.000.000 đồng = 1.324.800.000 đồng (một tỷ ba trăm hai mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng).

Tại Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 3/9/2025, bà H trình bày:

Bà H thừa nhận có viết và ký tên vào Giấy nợ ngày 20/9/2020 như bà C trình bày. Ngoài bà H ký tên vay tiền còn có ông Nguyễn Thanh L (là chồng bà H) cùng ký tên bên vay tiền. Bà H cũng thừa nhận ngày 13/7/2021 (dương lịch), bà H và ông L có chuyển khoản trả cho bà C số tiền 300.000.000 đồng; lý do trả là bà H và ông L nợ bà C theo khoản vay 1.050.000.000 đồng. Tuy nhiên, đối với khoản nợ này, bà H và ông L bị ép buộc nên mới ký. Chứng cứ chứng minh bà H bị ép buộc là việc bà C cho đối tượng lạ mặt đến nhà đòi nợ, nhắn tin đe dọa, xúc phạm và đăng hình ảnh bà H lên mạng xã hội Facebook để bôi nhọ.

Ngày 18/8/2021, bà H có ra Công an phường H cầu cứu. Khoảng tháng 9/2021 (bà H không nhớ rõ ngày), Công an phường H mời hai bên lên làm việc để giải hòa; cơ quan Công an xác định đây là tranh chấp dân sự nên không giải quyết. Sau đó, Công an phường H có mời tiếp lần thứ hai nhưng bà C không đến. Khoảng mấy tháng sau, bà C lại cho người đến nhà bà H tiếp tục đe dọa, yêu cầu trả

nợ. Do đó, bà H xác định bà bị ép buộc ký Giấy nợ trên nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà C.

Đối với yêu cầu phản tố, bà H cho biết: Trong đơn phản tố trước đó, bà xác định số tiền đã trả cho bà C là 2.374.800.000 đồng là do tính toán sai và không hiểu biết pháp luật về việc yêu cầu trả lại số tiền đã trả dư, nên yêu cầu phản tố đó chưa chính xác. Nay bà H xác định lại số tiền đã chuyển trả cho bà C cụ thể như sau: Từ ngày 11/9/2019 đến nay, bà H đã trả cho bà C tổng cộng 1.861.800.000 đồng (bao gồm các khoản: 183.000.000 đồng + 858.800.000 đồng + 520.000.000 đồng + 300.000.000 đồng). Sau khi trừ đi 524.500.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi theo quy định nhà nước (tạm tính 10%/năm) là 367.150.000 đồng, bà H yêu cầu bà C phải trả lại cho bà H và ông L số tiền chênh lệch là 970.150.000 đồng.

Bị đơn giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: Đơn trình bày và đơn phản tố ngày 13/8/2025 của bà H, ông L (bản chính); Sao kê chi tiết phát sinh ngày 7/8/2025 của Ngân hàng V (thuộc H3) đối với tài khoản số 0109150783 từ ngày 1/10/2017 đến 31/12/2019 (bản có dấu đỏ của ngân hàng); Sao kê tài khoản số 19034377225018 tại Ngân hàng TMCP K1 (bản có dấu đỏ của ngân hàng); Giấy nộp tiền mặt ngày 25/3/2020 tại Ngân hàng TMCP H2 – Chi nhánh B (bản có dấu đỏ của ngân hàng); 10 tờ giấy A4 nội dung đăng tin và tin nhắn bình luận trên mạng xã hội Facebook (bản scan màu); 01 tờ giấy A4 có hình ảnh 04 người đang nói chuyện (02 nam, 02 nữ).

Bị đơn ông Nguyễn Thanh L trình bày:

Ông L thống nhất và đồng ý với toàn bộ ý kiến trình bày nêu trên của bà H, không bổ sung gì thêm.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn bà Phạm Thị Duy C vắng mặt; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Đức C1 trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ gốc là 750.000.000 đồng. Về tiền lãi, đại diện nguyên đơn yêu cầu bà H, ông L phải trả số tiền tính từ ngày 14/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (25/9/2025) là 313.740.000 đồng. Bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm H trình bày: Thay đổi yêu cầu phản tố, yêu cầu bà C phải trả lại số tiền là 811.800.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 143/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Duy C đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm H, ông Nguyễn Thanh L.

Về tiền nợ: Buộc bà H, ông L cùng có trách nhiệm trả cho bà C tổng số tiền 1.063.740.000 đồng (một tỷ không trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng). Trong đó: tiền nợ gốc 750.000.000 đồng (bảy trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (25/9/2025) là 313.740.000 đồng (ba trăm mười ba triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) theo Giấy nợ ngày 20/9/2020.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 25/9/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự (10%/năm).

2. Về yêu cầu phản tố của bị đơn: Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm H và ông Nguyễn Thanh L đối với nguyên đơn bà Phạm Thị Duy C về việc tranh chấp số tiền 811.800.000 đồng (tám trăm mười một triệu tám trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, nghĩa vụ chậm trả và quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm H và ông Nguyễn Thanh L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà H và người đại diện hợp pháp của ông L vẫn giữ yêu cầu kháng cáo và yêu cầu phản tố. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày quan điểm tranh luận: Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Cụ thể, theo Quyết định phân công Hội thẩm nhân dân thì Hội thẩm được phân công là ông Đặng Minh Lý và bà Nguyễn Hồng Thanh. Tuy nhiên, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Hội thẩm tiến hành tố tụng là ông Nguyễn Minh T và ông Huỳnh Tấn S nhưng không có quyết định thay đổi. Đối với yêu cầu phản tố, bị đơn đã cung cấp các chứng từ chuyên khoản liên quan đến bà Phạm Thị Lệ H1 và ông Thân Nguyễn Bảo N1, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người này vào tham gia tố tụng để đối chất làm rõ số tiền bị đơn đã chuyển khoản. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là không có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, Luật sư, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Theo Quyết định phân công Hội thẩm nhân dân tham gia xét xử số 179/QĐ-CA ngày 03/9/2025, Hội thẩm được phân công là ông Đặng Minh L1 và bà Nguyễn Hồng T1. Tuy nhiên, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì Hội thẩm tiến hành tố tụng là ông Nguyễn Minh T và ông Huỳnh Tấn S. Như vậy, Tòa

án cấp sơ thẩm có sai sót; tuy nhiên, sai sót này không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2] Bà H1 và ông L cho rằng số tiền 1.050.000.000 đồng theo Giấy nợ mà nguyên đơn khởi kiện là khoản nợ chột lại từ nhiều lần vay trước đó. Chứng cứ bà H1, ông L đưa ra để chứng minh số tiền nợ 1.050.000.000 đồng ngày 20/9/2020 có nguồn gốc từ các khoản vay trước đây là: Sao kê chi tiết phát sinh ngày 07/8/2025 của Ngân hàng V đối với tài khoản số 0109150783 từ ngày 01/10/2017 đến 31/12/2019; Sao kê tài khoản số 19034377225018 của Ngân hàng TMCP K1 và Giấy nộp tiền mặt ngày 25/3/2020 của Ngân hàng TMCP H2 – Chi nhánh B.

Tuy nhiên, bà H1 và ông L không chứng minh được sự trùng khớp của các số tiền để xác định đến ngày 20/9/2020 còn nợ lại đúng 1.050.000.000 đồng. Theo trình bày của bị đơn, ông bà nhận chuyển khoản tiền vay từ bà Phạm Thị Lệ H1 (chị của bà C) là 1.133.000.000 đồng; khi trả nợ cũng chuyển khoản cho bà Lệ H1 yền cũng như ông T2 Nguyễn Bảo N1 (chồng bà C). Tuy nhiên, bà H1 và ông L không có chứng cứ chứng minh việc vay mượn số tiền 1.050.000.000 đồng có liên quan đến bà Lệ H1 cũng như ông N1.

Bà H1 và ông L cho rằng bị bà C ép buộc viết và ký Giấy nợ ngày 20/9/2020, nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Mặt khác, ngày 13/7/2021, bà H1 và ông L đã trả cho bà C số tiền 300.000.000 đồng và ghi rõ nội dung chuyển tiền là “còn nợ lại 750.000.000 đồng”. Điều này chứng minh nếu có việc ép buộc thì không thể có việc tự nguyện chuyển khoản trả nợ; đồng thời khẳng định thực tế có nợ nên mới chuyển khoản trả nợ và xác nhận số dư nợ còn lại.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Lệ H1 và ông N1 vào tham gia tố tụng là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ. Số tiền chuyển khoản giữa bà Lệ H1, ông N1 và bị đơn (nếu có) các bên có quyền giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Từ những phân tích trên, kháng cáo của bị đơn và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, Điều 296, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Diễm H và ông Nguyễn Thanh L.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 143/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Diễm H và ông Nguyễn Thanh L mỗi người phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại các Biên lai thu số 0052886 ngày 25/12/2025 và số 0041408 ngày 24/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP (16), 72.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mộng Tuyết